## Unit 10

# WHEN WILL SPORTS DAY BE?

Lesson 1





# WOCAIBULAURY





## A. Vocabulary





Sports Day Ngày hội thể thao



Teachers' Day Ngày nhà giáo



Children's Day Ngày thiếu nhi



Women's Day Ngày phụ nữ



Independence Day Ngày Quốc Khánh



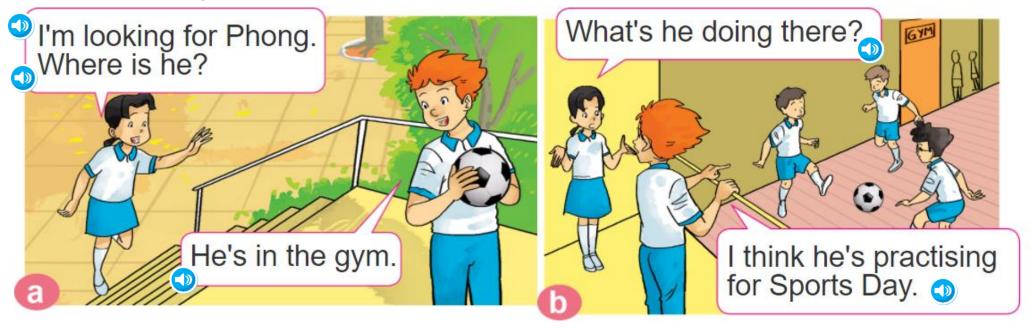


# GRAMMAIR.





#### 1. Look, listen and repeat.











### 2. Point and say



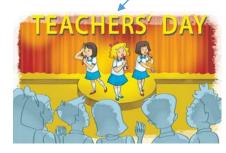
When will \_\_\_\_\_ be?

It'll be on \_\_\_\_\_





Sports Day Saturday



Teachers' Day Sunday





Independence Day Thursday









\* Hỏi và đáp ngày nào đó sẽ diễn ra vào ngày nào:

(Khi nào sẽ đến ngày \_\_\_\_\_?)

When will + ngày lễ be?





It'll be on + thứ.

(Nó vào thứ \_\_\_\_.)







When will\_\_\_\_be?

It'll be on \_\_\_\_\_.

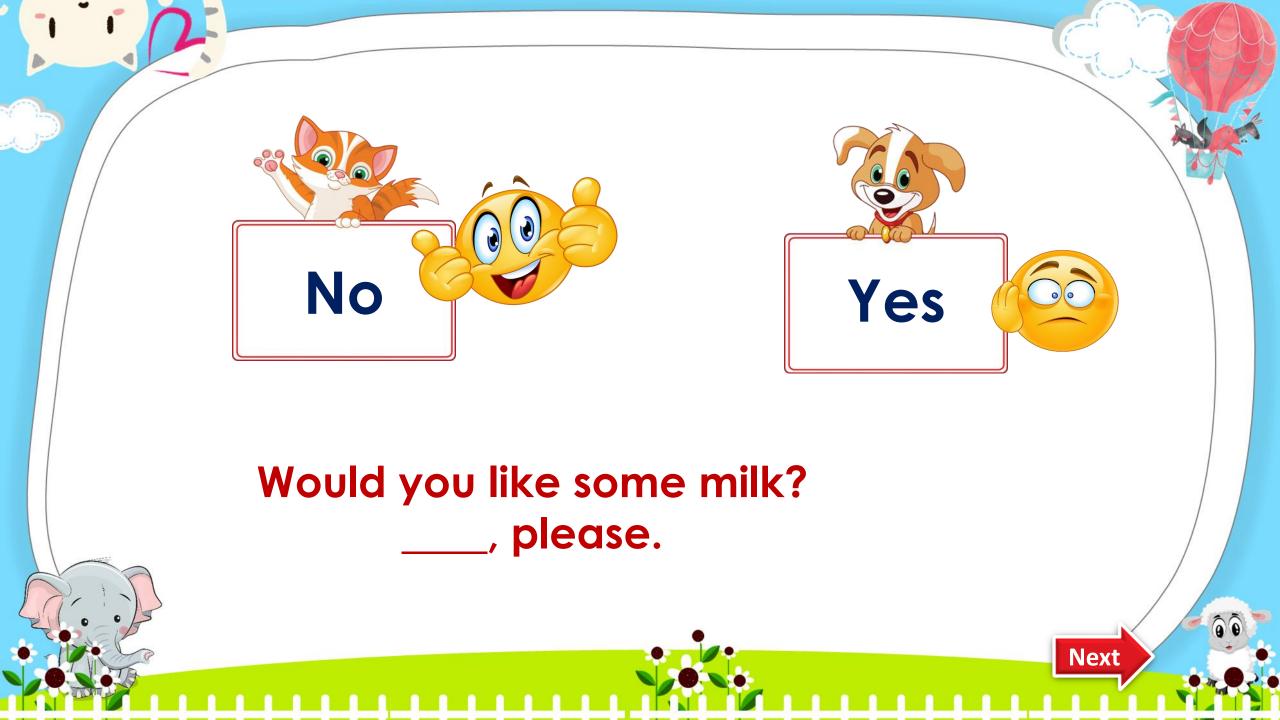




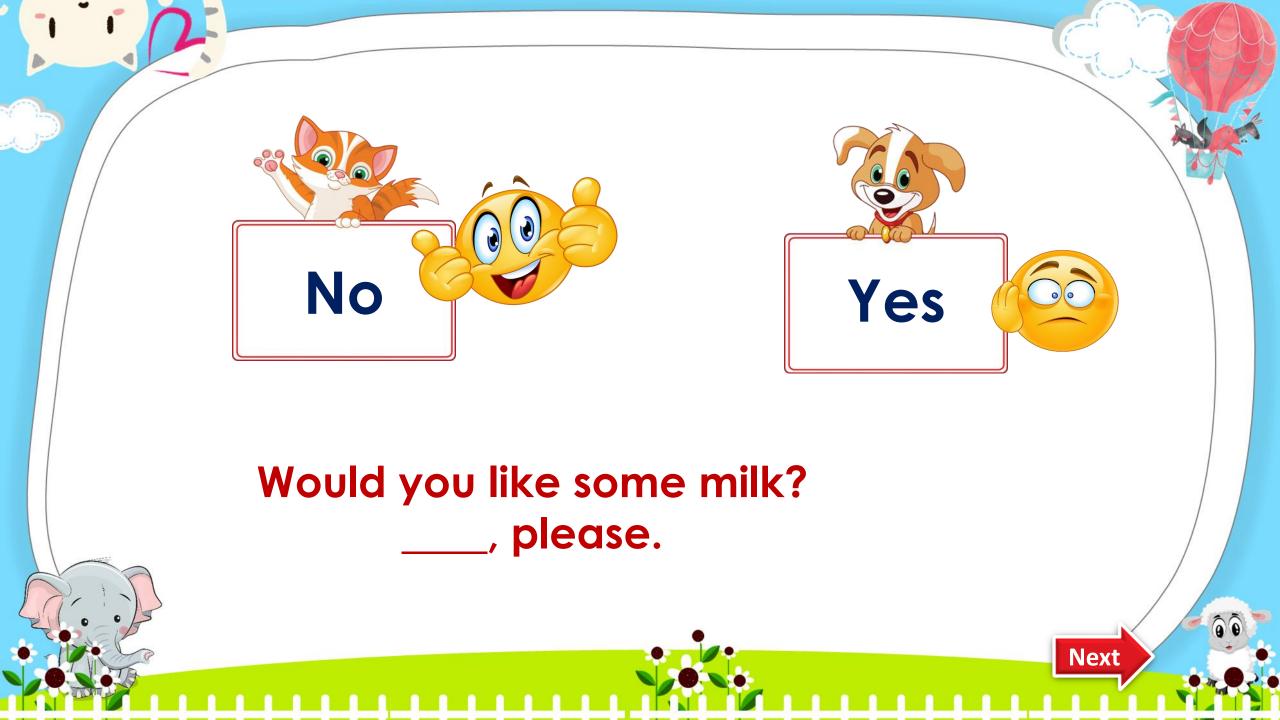




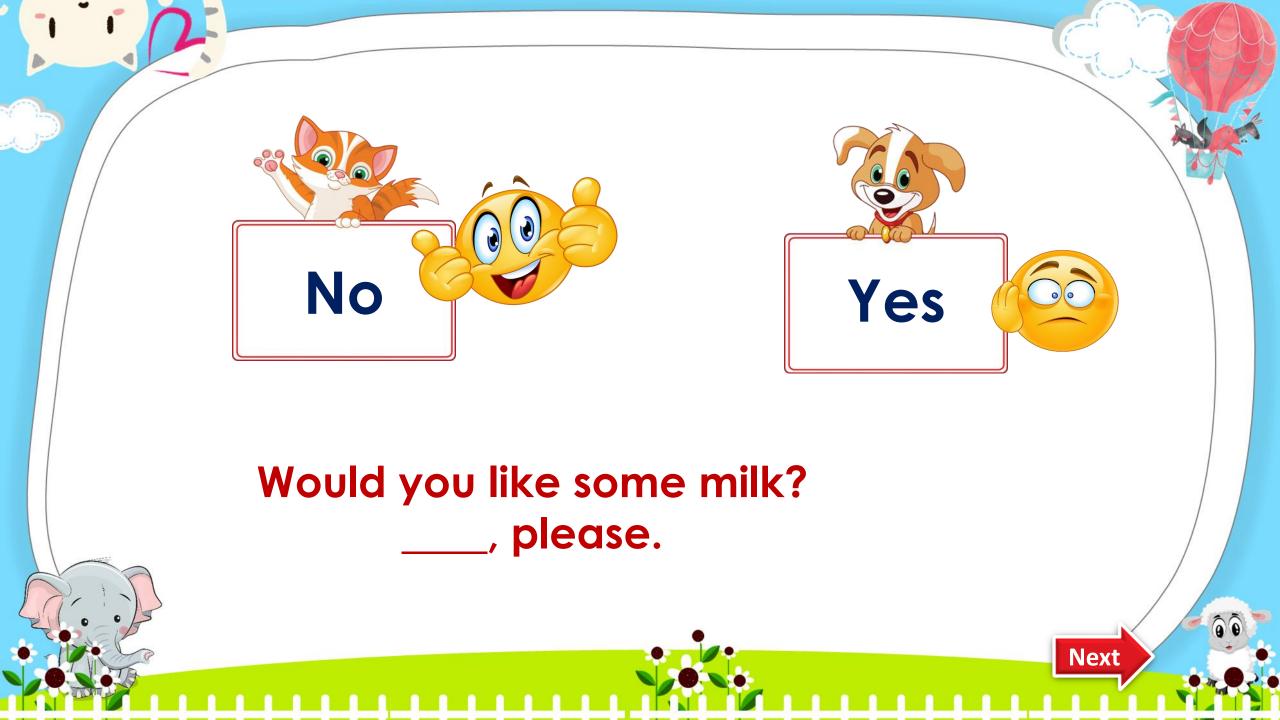




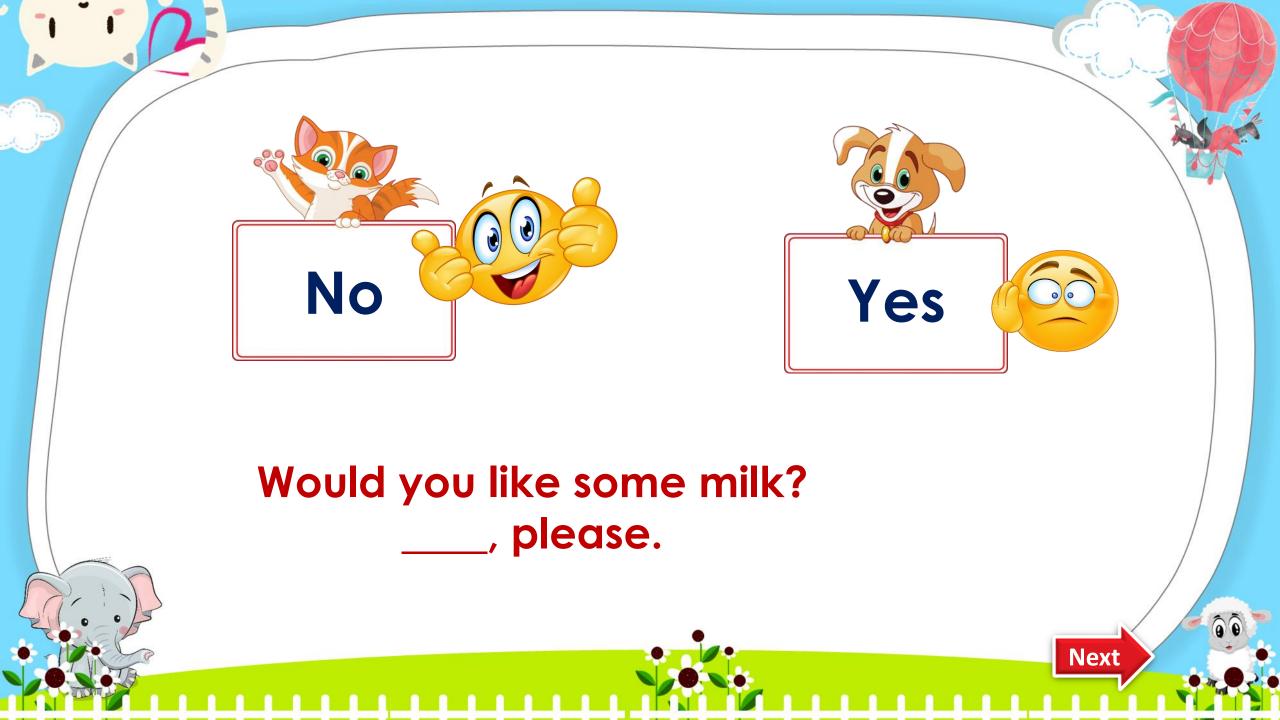




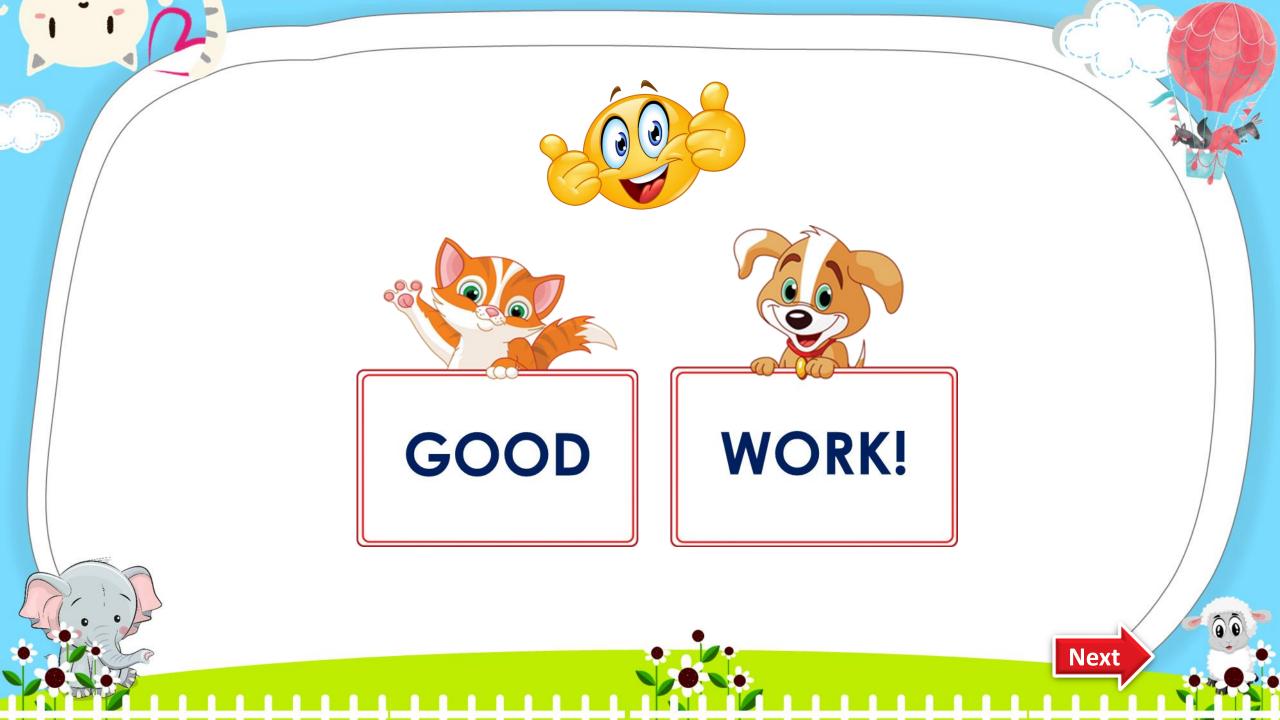












## 4. Listen and match 🕠



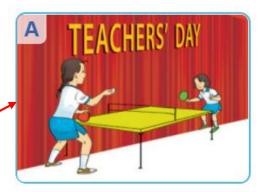






3.















- **1.** Where's Tony now?
- 2. What's Linda doing in the gym?
- 3. When will Sports Day be?
- **4.** What will Phong and Nam do on Sports Day?
- **5.** Will you take part in the singing contest?

a. They'll swim.

b. He's in the gym.

c. She's playing table tennis.

d. Yes, I will.

e. It'll be next month.







### 6. Let's sing



When will Sports Day be?

It'll be in September,

On Saturday.

When will the singing contest be?

It'll be in November,

On Teachers' Day.

When will the music festival be?

It'll be in June,

On Children's Day.







